

Số: 233/QĐ-THPTNT

Hải Phòng, ngày 07 tháng 9 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai số liệu quyết toán kinh phí năm 2022  
của Trường THPT Nguyễn Trãi

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Xét đề nghị của bà kế toán,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi năm 2022 của Trường THPT Nguyễn Trãi (theo biểu đính kèm)

Hình thức công khai: Trên bảng tin thông báo của Trường THPT Nguyễn Trãi

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà): Tổ Văn phòng, Kế toán, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công TTĐT;
- Lưu:VT.



Vương Đình Hùng

Đơn vị báo cáo: Trường THPT Nguyễn Trãi  
Mã chương: 422 Loại 070 Khoản 074  
Mã QHNS: 1012486

## BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NĂM 2022

### I. Số liệu quyết toán:

#### 1. Các khoản thu NNS và các khoản thu hộ, chi hộ:

##### 1.1 Học phí

- Số dư đầu năm:	29.987.591 đồng
- Tổng số thu trong năm:	1.392.006.000 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	1.421.993.591 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước:	1.421.993.591 đồng
- Số chi trong năm:	750.342.348 đồng
Trong đó: + BỔ sung chi lương:	210.797.300 đồng
+ Chi tăng cường CSVC:	150.782.140 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn:	338.726.908 đồng
- Số dư cuối năm:	671.651.243 đồng

##### 1.2. Học thêm

- Số dư đầu năm:	294.708.012 đồng
- Tổng số thu trong năm:	4.825.015.500 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	5.119.723.512 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước:	5.119.723.512 đồng
- Số chi trong năm:	4.860.848.445 đồng
Trong đó: + BỔ sung chi lương:	4.666.863.175 đồng
+ Chi tăng cường CSVC:	72.972.870 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn:	121.012.400 đồng
-Số dư cuối năm:	258.875.067 đồng

##### 1.3. Học nghề

- Số dư đầu năm:	7.722.000 đồng
- Tổng số thu trong năm:	62.612.000 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	70.334.000 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước:	70.334.000 đồng
- Số chi trong năm:	61.776.000 đồng
Trong đó: + BỔ sung chi lương:	46.940.000 đồng





+ Chi tăng cường CSVN:	72.972.870 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn:	16.533.500 đồng
-Số dư cuối năm	7.860.500 đồng

#### 1.4. Tài trợ CSVN

- Số dư đầu năm:	0 đồng
- Tổng số thu trong năm:	0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	0 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước:	0 đồng
- Số chi trong năm:	0 đồng
Trong đó: + Bổ sung chi lương:	0 đồng
+ Chi tăng cường CSVN:	đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn:	đồng
- Số dư cuối năm:	đồng

#### 1.5. Coi xe đạp

- Số dư đầu năm:	171.544.040 đồng
- Tổng số thu trong năm:	712.642.500 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong năm:	884.186.540 đồng
- Số nộp vào KB nhà nước:	884.186.540 đồng
- Số chi trong năm:	694.726.776 đồng
Trong đó: + Bổ sung chi lương:	502.218.750 đồng
+ Chi tăng cường CSVN:	126.233.826 đồng
+ Chi nghiệp vụ chuyên môn:	66.274.200 đồng
- Số dư cuối năm:	189.459.764 đồng

#### Quyết toán chi ngân sách:

#### 2. Nguồn ngân sách NN

##### 2.1. Ngân sách chi thường xuyên:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:	0 đồng
- Dự toán được giao trong năm:	11.975.000.000 đồng
Trong đó:	
+ Dự toán giao đầu năm:	11.975.000.000 đồng;
+ Dự toán bổ sung trong năm:	0 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm:	11.975.000.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán:	11.975.000.000 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm:	0 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:	0 đồng

Bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng;

## 2.2. Ngân sách chi không thường xuyên:

### \* Nguồn 12:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

- Dự toán được giao trong năm: 1.644.388.000 đồng

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 1.644.388.000 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 1.644.388.000 đồng

- Kinh phí quyết toán: 1.610.985.000 đồng

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng

Bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng;

### \* Nguồn 14:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

- Dự toán được giao trong năm: 0 đồng

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 0 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 0 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 0 đồng

- Kinh phí quyết toán: 0 đồng

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng

Bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng;

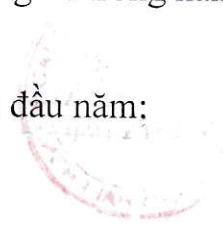
### \* Nguồn 15:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng

- Dự toán được giao trong năm: 1.060.968.000 đồng

Trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 0 đồng



+ Dự toán bổ sung trong năm:	1.060.968.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm:	1.060.968.000 đồng
- Kinh phí quyết toán:	660.968.000 đồng
- Kinh phí giảm trong năm:	0 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán:	400.000.000 đồng.

Bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận:	0 đồng;
+ Dự toán còn dư ở Kho bạc:	40.000.000 đồng;

### 3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN:	0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN:	0 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN:	0 đồng

## II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: (Chi tiết từng nguồn)

### 1. Học phí

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:	671.651.243 đồng
Trong đó:	
- Trích lập các Quỹ:	đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương:	671.651.243 đồng

### 2. Học thêm

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:	258.875.067 đồng
Trong đó:	
- Chi hoạt động chuyên môn	258.875.067 đồng

### 3. Học nghề

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:	7.860.500 đồng
Trong đó:	
- Chi cơ sở vật chất	7.860.500 đồng

### 4. Dịch vụ coi xe:

Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm:	189.459.764 đồng
Trong đó:	
- Chi hoạt động chuyên môn	189.459.764 đồng

LẬP BIỂU

  
Nguyễn Thị Thơ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



HIỆU TRƯỞNG

  
Vương Đình Hương